

# GIẢI KHUYẾN HỌC KỶ XXI-2009

## CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT

### TIỂU HỌC 1

#### I. VĂN:

##### A. Tục ngữ, ca dao:

Gồm 4 câu tục ngữ và 4 câu ca dao. Cần học thuộc và hiểu ý nghĩa chính.

##### B. Ngữ vựng:

Học một số ngữ vựng thông thường, gần gũi hằng ngày, giới hạn trong chủ đề dưới đây:

1. Gia đình, họ hàng, nội ngoại.
2. Cơ thể con người
  - a. Đầu.
  - b. Mình
  - c. Tay chân.
3. Màu sắc và hương vị.
4. Hình thể, tính chất.
5. Động từ thông dụng:
  - a. Động từ thích hợp cho mỗi nghề, mỗi việc.
  - b. Động từ thích hợp cho mỗi loài.
  - c. Động từ thông thường hằng ngày.
6. Một số trái cây thông thường và các phần của cây, trái:
  - a. Các loại trái cây.
  - b. Các phần của trái cây.
7. Các loại động vật và các bộ phận của chúng:
  - a. Các loại động vật.
  - b. Các bộ phận.

##### C. Từ đồng nghĩa, phản nghĩa:

1. Đồng nghĩa: học 5 từ đơn.
2. Phản nghĩa: học 5 từ đơn.

##### D. Học thuộc lòng:

Học thuộc 3 bài ngắn và hiểu nghĩa chính

##### E. Tập đặt câu:

Tập đặt câu với những từ cho sẵn.

#### II. LỊCH SỬ:

1. Con Rồng cháu Tiên.
2. Sự tích quả Dưa Hấu.

3. Sự tích Bánh Dày, Bánh Chưng.
4. Sự tích Trầu Cau.

### **III. ĐỊA LÝ:**

1. Hình thể nước Việt Nam, các nước giáp giới
2. Tên các thành phố lớn của ba miền: Bắc, Trung, Nam.

# GIẢI KHUYẾN HỌC KỶ XXI-2009

## CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT

### TIỂU HỌC 2

#### I. VĂN:

##### A. Tục ngữ, ca dao:

Gồm 8 câu tục ngữ và 4 câu ca dao. Cần học thuộc và hiểu nghĩa chính.

##### B. Ngữ vựng:

Học một số ngữ vựng thông thường, giới hạn trong chủ đề dưới đây:

###### 1. Thân thể con người:

- Các bộ phận bên trong thân mình.
- Vị trí của các bộ phận này.

###### 2. Sinh hoạt hằng ngày:

- Vệ sinh thường thức.
- Động từ thông thường hằng ngày.

###### 3. Các loại động vật và bộ phận của chúng:

- Các loại động vật.
- Các bộ phận.

###### 4. Một số trái cây thông thường:

- Các loại trái cây.
- Các phần của trái cây.

###### 5. Tính chất, hương vị.

###### 6. Hình thể, hình dáng.

###### 7. Thời tiết, phương hướng.

##### C. Từ đồng nghĩa, phản nghĩa:

- Đồng nghĩa: học 10 từ đơn.
- Phản nghĩa: học 10 từ đơn.

##### D. Học thuộc lòng:

Học thuộc 3 bài ngắn và hiểu nghĩa chính.

##### E. Tập đặt câu:

Tập đặt câu với những từ cho sẵn.

#### II. LỊCH SỬ

- Phù Đổng Thiên Vương
- Mỵ Châu, Trọng Thủy.

3. Sơn Tinh, Thủy Tinh.
4. Lê Quý Đôn thần đồng nhớ giỏi.
5. Vũ Công Duệ ông Trạng trung cang.

### **III. ĐỊA LÝ:**

1. Hình thể nước Việt Nam, các nước giáp giới.
2. Các thành phố lớn của ba miền Bắc, Trung, Nam.

# GIẢI KHUYẾN HỌC KỶ XXI-2009

## CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT

### TIỂU HỌC 3

#### I. VĂN:

##### A. Tục ngữ, ca dao, thành ngữ, danh ngôn.

Học 8 câu tục ngữ, 5 câu ca dao, 4 câu thành ngữ, 2 câu danh ngôn.

##### B. Ngữ vựng:

Học một số ngữ vựng thông thường, gần gũi hằng ngày, giới hạn trong chủ đề:

1. Hương vị.
2. Tính chất, trạng thái.
3. Sinh hoạt gia đình.
4. Các món ăn.
5. Sinh hoạt tại trường học:
  - a. Dụng cụ học sinh.
  - b. Dụng cụ lớp học.
  - c. Nhân viên nhà trường.
6. Sinh hoạt nơi công cộng.
7. Thể thao:
  - a. Môn thể thao theo đội.

##### C. Từ đồng nghĩa, phản nghĩa:

1. Đồng nghĩa: Học 5 từ đơn và 5 từ ghép.
2. Phản nghĩa: Học 5 từ đơn và 5 từ ghép.

##### D. Học thuộc lòng:

Học thuộc lòng 4 bài ngắn và hiểu rõ nội dung của từng bài.

##### E. Tập đặt câu:

Tập đặt câu với những từ cho sẵn.

#### II. LỊCH SỬ:

1. Hai Bà Trưng.
2. Bà Triệu.
3. Bùi Thị Xuân.
4. Ngô Quyền.
5. Lương Thế Vinh (ông Trạng bình dân).
6. Nguyễn Hiền (thần đồng đỗ Trạng).
7. Lê Phụng Hiểu (nhỏ cây đánh quân địch).

8. Lê Văn Khôi (tay không đánh cọp).

### **III. ĐỊA LÝ:**

1. Hình thể nước Việt Nam, các nước giáp giới.
2. Tên những thành phố tiêu biểu cho mỗi miền.
3. Tên sông, núi tiêu biểu cho mỗi miền.

# GIẢI KHUYẾN HỌC KỶ XXI-2009

## CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT

### TIỂU HỌC 4

#### I. VĂN

##### A. Tục ngữ, ca dao, thành ngữ, danh ngôn:

Gồm 10 câu tục ngữ, 5 câu ca dao, 5 câu thành ngữ, 2 câu danh ngôn.

##### B. Ngữ vựng:

Học một số ngữ vựng qua các chủ đề dưới đây:

1. Tính chất, trạng thái.
2. Sinh hoạt trong gia đình.
3. Sinh hoạt tại học đường
4. Sinh hoạt nơi công cộng.
5. Thể thao:
  - a. Các môn thể thao theo đội.
  - b. Các môn bơi lội và đua thuyền.
6. Nghề nghiệp:
  - a. Động từ thích hợp cho mỗi nghề, mỗi việc.
  - b. Động từ thông dụng trong sinh hoạt.

##### C. Từ đồng nghĩa, phản nghĩa:

1. Đồng nghĩa: Học 12 từ ghép.
2. Phản nghĩa: Học 12 từ ghép.

##### D. Học thuộc lòng:

Học thuộc lòng 4 bài ngắn và hiểu rõ nội dung của từng bài.

##### E. Tập làm văn:

Tả người hoặc đồ vật.

##### F. Phong tục:

- a. Lễ Hai Bà Trưng.
- b. Giỗ tổ Hùng Vương.

#### II. LỊCH SỬ

Giải Khuyến Học – Chương Trình Tổng Quát

1. Lý Thường Kiệt.
2. Trần Quốc Toản.
3. Trần Quốc Tuấn.
4. Phạm Ngũ Lão.
5. Trần Bình Trọng.
6. Nguyễn Trung Trực.
7. Chu Văn An.
8. Lê Văn Duyệt.

### **III. ĐỊA LÝ**

1. Việt Nam: Vị trí, ranh giới.
2. Tên những thành phố quan trọng của mỗi miền.
3. Tên sông, núi tiêu biểu cho mỗi miền.
4. Tên một số thắng cảnh nổi tiếng.

# GIẢI KHUYẾN HỌC KỶ XXI-2009

## CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT

### TIỂU HỌC 5

#### I. VĂN:

##### A. Tục ngữ, Ca dao, Thành ngữ, Danh ngôn

Gồm 10 câu tục ngữ, 6 câu ca dao, 5 câu thành ngữ, 2 câu danh ngôn.

##### B. Ngữ vựng

Học một số ngữ vựng qua các chủ đề dưới đây:

1. Y phục.
2. Phương tiện giao thông.
3. Các món ăn.
4. Sinh hoạt tại trường học.
  - a. Tên các môn học của bậc trung học.
5. Thể thao:
  - a. Các môn thể thao chơi theo đội.
  - b. Các môn thể thao bơi lội và đua thuyền.
  - c. Các môn thể thao khác.

##### C. Từ đồng nghĩa, phản nghĩa:

1. Đồng nghĩa: Học 12 từ ghép và 5 từ đơn.
2. Phản nghĩa: Học 12 từ ghép và 5 từ đơn.

##### D. Văn phạm:

###### 1. Danh từ:

- a. Danh từ chung.
- b. Danh từ riêng.

###### 2. Động từ:

- a. Động từ đơn.
- b. Động từ ghép.

###### 3. Tính từ:

- a. Tính từ đơn.
- b. Tính từ ghép.

##### E. Học thuộc lòng:

Học thuộc lòng 4 bài ngắn và hiểu rõ nội dung của từng bài.

##### F. Tập làm văn:

Tả cảnh hoặc tường thuật.

### **G. Phong tục:**

Những ngày lễ quan trọng trong năm

- a. Tết Nguyên Đán.
- b. Tết Trung Thu.

## **II. LỊCH SỬ:**

1. Vua Lê Thánh Tông.
2. Vua Lý Thái Tổ.
3. Vua Trần Thái Tông.
4. Vua Quang Trung.
5. Võ Tánh và Ngô Tùng Châu.
6. Nguyễn Tri Phương.
7. Mạc Đĩnh Chi.
8. Đinh Công Tráng.

## **III. ĐỊA LÝ:**

1. Việt Nam: vị trí, ranh giới và diện tích.
2. Sông ngòi 3 miền.
3. Núi và cao nguyên.
4. Đồng bằng.
5. Khí hậu.
6. Lâm sản, khoáng sản, hải sản.

# GIẢI KHUYẾN HỌC KỶXXXI-2009

## CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT

### TRUNG HỌC 6-7

#### I. VĂN:

##### A. Văn chương truyền khẩu :

###### 1. Truyện cổ tích:

Vài truyện cổ tích tiêu biểu:

- a. Truyện khôi hài, loài vật: Gan Cóc Tía.
- b. Truyện luân lý: Có ai làm chứng.

###### 2. Tục ngữ, thành ngữ và ca dao:

Học thuộc và hiểu nghĩa của 10 câu tục ngữ, 10 câu ca dao và 5 câu thành ngữ.

##### B. Văn chương bác học:

###### 1. Văn xuôi:

- a. Mỹ từ pháp: Học 7 mỹ từ pháp.
- b. Tác giả và tác phẩm:
  - Nhất Linh (1905 – 1963) – Làng Từ Lâm.
  - Khái Hưng (1896 – 1947) – Anh Phái Sống.

###### 2. Văn vần:

- a. Thơ lục bát.
- b. Lục bát biến thể.

#### II. LỊCH SỬ:

##### Thời kỳ tự chủ: ( Học từ các triều đại từ nhà Ngô đến nhà Hồ )

A. Nhà Ngô : ( 939-965 ) - Ngô Vương.

B. Nhà Đinh : ( 968-980 ) – Đinh Tiên Hoàng.

1. Nội trị
2. Ngoại giao.

C. Nhà Tiền Lê: ( 980-1009 )

1. Lê Đại Hành ( 980-1004 )
2. Lê Long Việt và Lê Long Đĩnh ( 1005-1009 )

D. Nhà Hậu Lý: ( 1010-1225 )

1. Lý Thái Tổ ( 1010-1028 )
2. Các vua sau Lý Thái Tổ.
  - a. Nội trị
    - Thời kỳ hưng thịnh
  - b. Chiến tranh: ( danh tướng Lý Thường Kiệt )
    - Chiến tranh với nhà Tống.
    - Chiến tranh với Chiêm Thành.

c. Thời kỳ suy vong.

**E. Nhà Trần: ( 1225-1400 )**

1. Nội trị.
2. Văn học và tôn giáo.
3. Giao thiệp với Ai Lao và Chiêm Thành.
4. Chiến thắng quân Nguyên ( Mông Cổ ) lần thứ nhất.
5. Chiến thắng quân Nguyên ( Mông Cổ ) lần thứ hai.
6. Chiến thắng quân Nguyên ( Mông Cổ ) lần thứ ba.
7. Thời kỳ suy vong.

**III. ĐỊA LÝ:**

- A. Vị trí, ranh giới và diện tích.
- B. Sông ngòi:
  1. Sông ngòi miền Bắc.
  2. Sông ngòi miền Trung.
  3. Sông ngòi miền Nam.
- C. Núi và cao nguyên:
  1. Miền Đông Bắc.
  2. Miền Tây Bắc.
  3. Dãy Trường Sơn.
  4. Miền cao nguyên Nam Trung phần.
- D. Đồng bằng:
  1. Đồng bằng Bắc phần.
  2. Đồng bằng Trung phần.
  3. Đồng bằng Nam phần.
- E. Khí hậu.
- F. Lâm sản, khoáng sản, hải sản.

# GIẢI KHUYẾN HỌC KỶ XXI-2009

## CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT

### TRUNG HỌC 8-9

#### I. VĂN:

A. Văn chương truyền khẩu ( tiếp theo chương trình Trung học đệ nhất cấp ( 6-7)

1. Vài truyện cổ tích tiêu biểu:

- a. Truyện luân lý: Chum vàng bắt được.
- b. Truyện khôi hài: Cửa Thiên giả Địa.

2. Tục ngữ, ca dao, thành ngữ và danh ngôn:

Học thuộc và hiểu rõ ý nghĩa của 20 câu tục ngữ và 10 câu ca dao.

B. Văn chương bác học:

1. Văn xuôi:

a. Phương pháp phân tích và tìm hiểu một bài văn.

1. Phần giới thiệu:
  - a. Văn thể (loại văn).
  - b. Xuất xứ.
  - c. Tiểu sử tác giả.
2. Phần phân tích:
  - a. Giải nghĩa các chữ khó.
  - b. Bố cục.
  - c. Đại ý và chủ đích.
3. Phần nhận xét và phê bình:
  - a. Nội dung (ý tưởng)
  - b. Hình thức (văn chương).

4. Tổng kết.

b. Tác giả và tác phẩm.

- Hoàng Đạo – Con Đường Sáng.
- Thanh Tịnh – Tôi đi học.

2. Văn vần:

a. Thể thơ và luật thơ.

- Tứ tuyệt
- Song thất lục bát.

b. Tác giả và tác phẩm.

Học tiểu sử và trích giảng các bài thơ hay:

- Lê Thánh Tông ( 1442-1497 ) - Trích giảng: Người Bù Nhìn.
- Bà Huyện Thanh Quan - Trích giảng: Qua Đèo Ngang.
- Bà Đoàn Thị Điểm - Trích giảng: Lệnh xuất chinh ( từ câu 1 đến câu 24 ) – chú trọng vào 12 câu đầu.

## II. LỊCH SỬ:

### A. Thời kỳ thuộc Minh

1. Nhà Hậu Trần ( 1409-1413 )
2. Nhà Hồ.
3. Nước ta thuộc nhà Minh ( 1414-1427 )

### B. Thời kỳ phục hưng – Nhà Hậu Lê.

1. Lê Lợi khởi nghĩa chống quân Minh (1418-1428).
2. Thời kỳ hưng thịnh. (1428-1504)
  - a. Nội trị.
  - b. Văn học và tôn giáo.
  - c. Chiến công.
3. Thời kỳ suy vong ( 1504-1527 )
  - a. Nhà Mạc.
  - b. Họ Nguyễn giúp nhà Lê.
  - c. Chúa Nguyễn ở đàng trong.
  - d. Chúa Trịnh ở đàng ngoài.

### C. Thời kỳ Trịnh-Nguyễn phân tranh.

1. Người Âu Châu sang nước ta.
2. Tây Sơn khởi nghĩa: Quang Trung đại phá quân Thanh.

## III. ĐỊA LÝ:

### A. Kinh tế:

1. Nông nghiệp.
2. Biển và bờ biển.
3. Hải sản .
4. Công kỹ nghệ.
5. Tiểu công nghệ.
6. Thương nghiệp.
  
7. Giao thông và hàng hải.

### B. Học bản đồ ( Chú trọng về nhân văn và kinh tế )

# GIẢI KHUYẾN HỌC KỶ XXI-2009

## CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT

### TRUNG HỌC 10 – 11

#### I. VĂN:

##### A. Đại cương về văn học dân gian.

1. Tầm quan trọng của dòng văn học dân gian.
2. Tục ngữ – ca dao (ôn thêm phần các câu đã học từ tiểu học 1 – trung học 8-9)
3. Truyện cổ tích:
  - a. Truyện luân lý: Lưu Bình, Dương Lễ.
  - b. Truyện khôi hài: Chó đá đổ máu.

##### B. Đại cương về các truyện Nôm cổ.

1. Vị trí của truyện Nôm trong văn học sử Việt Nam.
2. Các truyện Nôm cổ.
3. Văn thể:
  - a. Lục bát.
  - b. Song thất lục bát.
  - c. Tứ tuyệt.
4. Tác phẩm:
  - a. Con sáo của em tôi.
  - b. Chiếc chiếu hoa cạp điều.

#### II. LỊCH SỬ:

1. Nhà Nguyễn.
2. Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ – Hòa ước năm 1862.
3. Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ.
4. Hòa ước Giáp Tuất 1874.
5. Pháp đặt nền bảo hộ ở Việt Nam (Hòa ước Quý Mùi – 1883): Chính sách cai trị, kinh tế và văn hóa.
6. Vận mệnh đất nước buổi giao thời (1945-1954) – trích trong Việt ngữ cấp 12 (Văn Lang – San Jose).
7. Một nước hai chính thể (1954-1975) – trích trong Việt Ngữ cấp 12 (Văn Lang – San Jose).

#### III. ĐỊA LÝ:

##### A. Thiên nhiên:

1. Khí hậu.
2. Sông ngòi.
3. Vùng núi và cao nguyên.
4. Đồng bằng.

5. Lâm sản và khoáng sản.

**B. Kinh tế:**

1. Nông nghiệp.
2. Công nghệ.
3. Tiểu công nghệ.

# GIẢI KHUYẾN HỌC KỶ XXI-2009

## CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT

### TRUNG HỌC 12

#### I. VĂN:

##### A. Đại cương về văn học dân gian.

1. Tầm quan trọng của dòng văn học dân gian.
2. Tục ngữ – ca dao (ôn thêm phần các câu đã học từ tiểu học 1 – trung học 8-9)
3. Truyện cổ tích:
  - \* Truyện luân lý: Cứu vật trả ơn, cứu nhân nhân trả oán.
  - \* Truyện khôi hài: Xử tội hòn đá.

##### B. Đại cương về các truyện Nôm cổ.

1. Vị trí của truyện Nôm trong văn học sử Việt Nam.
2. Các truyện Nôm cổ.

##### C. Đại cương về nền văn học chữ Quốc ngữ.

##### D. Một số thơ văn ái quốc từ đầu thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX.

##### E. Học thêm những áng thơ ái quốc mới như:

- \* Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu (1888-1939) - Thê Non Nước.
- \* Lời mẹ dặn (Phùng Quán)

##### F. Nguyễn Du với Đoạn Trường Tân Thanh.

- Trích giảng: \* Kiêu đi Thanh Minh (tả cảnh)  
\* Tài sắc chị em Kiều (tả người)

##### G. Nhị Thập Tứ Hiếu.

- Trích giảng: \* Đức Mạnh Tử.  
\* Mẫn Tử Khiên (Lòng hiếu thảo hiếm có).

##### H. Văn thể:

1. Lục bát.
2. Song thất lục bát.
3. Lục bát biến thể.
4. Tứ tuyệt.

#### II. LỊCH SỬ:

1. Các phong trào kháng chiến Phan Đình Phùng (Ngàn Trươi), kháng chiến Trung kỳ – Đinh Công Tráng, kháng chiến Bắc kỳ – Nguyễn Thiện Thuật, kháng chiến Bắc kỳ – Hoàng Hoa Thám.
2. Các phong trào cách mạng Văn Thân, Đông Du, Duy Tân, Việt Nam Quốc Dân Đảng.
3. Vận mệnh đất nước buổi giao thời (1945-1954) – trích trong Việt ngữ cấp 12 (Văn Lang –San Jose).

4. Một nước hai chính thể (1954-1975) – trích trong Việt Ngữ cấp 12 (Văn Lang – San Jose).
5. Lịch sử hình thành cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại.

### **III. ĐỊA LÝ:**

#### **A. Thiên nhiên:**

1. Khí hậu.
2. Sông ngòi.
3. Vùng núi và cao nguyên.
4. Đồng bằng.
5. Lâm sản và khoáng sản.

#### **B. Kinh tế:**

1. Nông nghiệp.
2. Công kỹ nghệ.
3. Tiểu công nghệ.

#### **C. Nhân văn:**

Vài di sản văn hóa thế giới được nhìn nhận ở Việt Nam.

# GIẢI KHUYẾN HỌC KỶ XXI-2009

## CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT

### ĐẠI HỌC

#### I. VĂN:

1. **Đại cương về dòng văn học dân gian:**
  - a. Tầm quan trọng của dòng văn học dân gian.
  - b. Tục ngữ và ca dao.
  - c. Truyện cổ tích.
  - d. Vai trò văn chương và nhân văn của ca dao và tục ngữ.
2. **Đại cương về truyện Nôm cổ:**
  - a. Vị trí của truyện Nôm trong văn học sử Việt Nam.
  - b. Các truyện Nôm cổ.
3. **Đại cương về nền văn học quốc ngữ:**
4. **Văn chương bác học:**
  - a. **Thể thơ và luật thơ:**
    - Lục bát.
    - Song thất lục bát.
    - Lục bát biến thể.
    - Tứ tuyệt
  - b. **Tác giả và tác phẩm:**

Học tiểu sử và trích giảng các bài thơ hay:

    - Nguyễn Công Trứ (1778-1858)
      - Chí làm trai.
      - Đi thi tự vịnh.
    - Nguyễn Khuyến (1835-1909)
      - Thu điếu.
      - Hội Tây.

#### II. LỊCH SỬ:

8. Nhà Nguyễn
9. Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ – Hòa ước năm 1862.
10. Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ
11. Hòa ước Giáp Tuất 1874.
12. Pháp đặt nền bảo hộ ở Việt Nam (Hòa ước Quý Mùi – 1883): Chính sách cai trị, kinh tế và văn hóa.
13. Các phong trào kháng chiến Phan Đình Phùng (Ngàn Trươi), kháng chiến Trung kỳ – Đinh Công Tráng, kháng chiến Bắc kỳ – Nguyễn Thiện Thuật, kháng chiến Bắc kỳ – Hoàng Hoa Thám.

14. Các phong trào cách mạng Văn Thân, Đông Du, Duy Tân, Việt Nam Quốc Dân Đảng.
15. Vận mệnh đất nước buổi giao thời (1945-1954) – trích trong Việt ngữ cấp 12 (Văn Lang –San Jose).
16. Một nước hai chính thể (1954-1975) – trích trong Việt Ngữ cấp 12 (Văn Lang – San Jose).

### **III. ĐỊA LÝ:**

1. Đại cương về lãnh thổ VN.
  - a. Địa lý thiên nhiên của VN.
  - b. Quốc hiệu VN.
  - c. Tên gọi các phần của lãnh thổ VN.
2. Khí hậu.
3. Biển và bờ biển.
4. Sông ngòi.
5. Núi và cao nguyên.
6. Dân cư.
7. Một số danh lam thắng cảnh.
8. Học bản đồ VN và sông ngòi.